

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>302.802.153.051</b>	<b>168.080.588.328</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>96.932.405.743</b>	<b>17.640.183.689</b>
1. Tiền	111	V.1	16.766.294.632	6.640.183.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.166.111.111	11.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>494.306.000</b>	<b>1.659.359.500</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	4.323.852.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(929.346.470)	(2.664.492.970)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.442.867.953</b>	<b>103.986.485.907</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	97.456.717.290	50.193.504.957
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.636.474.793	3.390.407.871
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	13.584.615.580	56.208.572.700
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(10.234.939.710)	(5.805.999.621)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>94.150.365.345</b>	<b>39.859.262.344</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	99.826.014.196	47.183.512.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.675.648.851)	(7.324.250.011)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.782.208.010</b>	<b>4.935.296.888</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	790.193.903	232.047.315
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.475.820.107	219.002.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	-	690.030.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	516.194.000	3.794.216.065
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>86.100.260.647</b>	<b>134.498.589.373</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.843.540.940</b>	<b>17.191.030.450</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	16.925.546.551	10.358.177.828
<i>Nguyên giá</i>	222		26.894.686.659	19.213.867.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.969.140.108)	(8.855.689.318)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.823.341.250	5.425.030.640
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.896.832.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(557.651.590)	(471.802.306)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	4.094.653.139	1.407.821.982
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>25.620.730.257</b>	<b>26.197.183.437</b>
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2.990.143.573)	(2.413.690.393)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>34.177.980.920</b>	<b>90.433.995.020</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	10.440.000.000	64.105.056.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.285.558.448	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(4.547.577.528)	(1.956.619.428)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>458.008.530</b>	<b>676.380.466</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	148.008.530	676.380.466
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>388.902.413.698</b>	<b>302.579.177.701</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>106.558.102.872</b>	<b>55.625.872.448</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>104.558.102.872</b>	<b>55.625.872.448</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	65.032.633.809	29.138.134.888
2. Phải trả người bán	312	V.22	34.375.208.103	17.628.515.056
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	176.931.054	73.419.088
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	72.536.179	573.668.558
5. Phải trả người lao động	315		879.425.000	-
6. Chi phí phải trả	316		3.246.213.661	3.539.475.222
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	775.155.066	1.353.145.881
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	3.319.513.755

18117348  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TIE  
TP. HỒ CHÍ MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

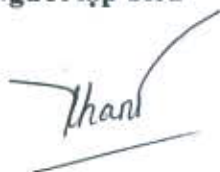
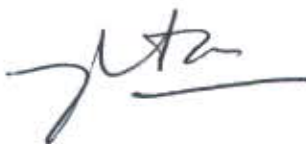
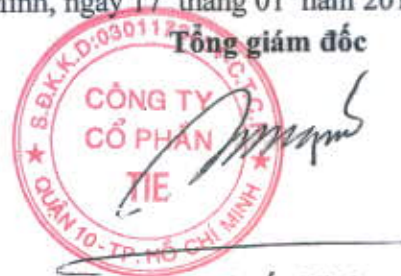
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.000.000.000</b>	
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	2.000.000.000	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>282.344.310.826</b>	<b>246.953.305.253</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>282.344.310.826</b>	<b>246.953.305.253</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26 95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26 124.969.383.392	124.969.383.392
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26 11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26 50.650.910.015	15.259.904.442
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>388.902.413.698</b>	<b>302.579.177.701</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Huỳnh Bảo Khánh

Phạm Thúy Oanh

Vũ Quốc Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay		Năm trước		
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	105.833.109.498	94.491.604.394	294.525.233.925	293.558.489.999
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	1.269.745.878	1.292.184.908	3.118.285.854	5.092.774.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.3	104.563.363.620	93.199.419.486	291.406.948.071	288.465.715.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	103.359.234.264	92.041.566.401	283.934.928.040	279.521.217.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VL.4	1.204.129.356	1.157.853.085	7.472.020.031	8.944.498.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	18.071.062.345	23.379.032.087	85.652.046.431	55.155.443.907
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	2.804.485.592	1.241.912.986	5.565.808.183	6.170.826.795
Trong đó: chi phí lãi vay	23		820.347.028	788.527.697	2.248.923.442	5.109.249.707
8. Chi phí bán hàng	24	VL.6	6.925.261.897	8.547.065.247	20.554.208.299	22.147.816.141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.7	7.189.406.295	3.890.778.121	17.721.510.639	13.182.678.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.356.037.917	10.857.128.818	49.282.539.341	22.598.620.155
11. Thu nhập khác	31	VL.8	4.459.100.275	1.905.669.832	8.244.197.088	7.389.329.865
12. Chi phí khác	32	VL.9	169.784.772	103.445.676	1.342.790.607	245.525.447
13. Lợi nhuận khác	40		4.289.315.503	1.802.224.156	6.901.406.481	7.143.804.418
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.645.353.420	12.659.352.974	56.183.945.822	29.742.424.573
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(2.344.522.496)		6.438.090.249	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8.989.875.916	12.659.352.974	49.745.855.573	29.742.424.573
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	939	1.323	5.198	3.108

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

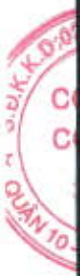


Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc


Vũ Quốc Vinh



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		254.965.402.510	317.184.789.942
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(346.475.870.430)	(283.646.022.539)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.490.206.310)	(18.631.418.347)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.062.756.870)	(5.302.905.708)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.748.059.478)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		49.862.417.603	6.390.467.063
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.955.951.491)	(22.026.155.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(91.905.024.466)</b>	<b>(6.031.245.536)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(535.147.124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.968.892.139)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		96.150.464.919	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53.544.064.071	36.444.077.052
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>149.394.528.990</b>	<b>31.940.037.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		148.478.010.732	89.334.736.322
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(112.583.511.811)	(103.817.278.434)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.096.176.400)	(13.304.145.143)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.798.322.521</b>	<b>(27.786.687.255)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>79.287.827.045</b>	<b>(1.877.895.002)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>17.640.183.689</b>	<b>19.517.661.300</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.395.009	417.391
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>96.932.405.743</b>	<b>17.640.183.689</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc


  
 Vũ Quốc Vinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**  
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

### III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

#### 8. Tài sản cố định vô hình

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

##### *Bản quyền phần mềm máy tính*

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m<sup>2</sup> đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m<sup>2</sup> đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

### 13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **17. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt	667.891.953	453.514.326
Tiền gửi ngân hàng	16.098.402.679	6.186.669.363
Các khoản tương đương tiền	80.166.111.111	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.932.405.743</b>	<b>17.640.183.689</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	-	-	44.000	2.623.600.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	15	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	20.005	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Ngân hàng Vietcombank(VCB)	-	-	10.000	276.600.000
<b>Cộng</b>		<b>1.423.652.470</b>		<b>4.323.852.470</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Cty ĐTPT và KCN Sông Đà ( SJS ) giảm do trong quý 4/2013 bán 44.000 cổ phiếu với giá vốn là 2.623.600.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam: giảm do trong quý 1/2013 bán 10.000 cổ phiếu với giá vốn là 276.600.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: tăng do trong quý 4/2013 nhận cổ tức bằng 2.800 cổ phiếu

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(929.346.470)	(2.664.492.970)

**4. Phải thu khách hàng**

	31/12/2013	01/01/2013
Tại Văn phòng Công ty	96.616.404.443	49.025.262.863
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	12.810.000	
Tại Chi nhánh Cần Thơ	130.587.486	234.925.484
Tại Chi nhánh Hà Nội	681.772.361	891.397.860
Tại Chi nhánh Phú Quốc	15.143.000	41.918.750
<b>Cộng</b>	<b>97.456.717.290</b>	<b>50.193.504.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Trả trước cho người bán**

	31/12/2013	01/01/2013
Tại Văn phòng Công ty	1.636.474.793	3.264.407.871
Tại Chi nhánh Phú Quốc		126.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.636.474.793</b>	<b>3.390.407.871</b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Bảo hiểm xã hội phải thu	16.324.651	39.669.896
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	50.400.000.000
Thu hỗ trợ của nhà cung cấp	-	1.421.444.000
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	1.032.391	1.041.322.827
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng (**)	5.879.892.055	-
Thù Lao Hội Đồng Quán Trị	313.809.229	-
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	3.920.405.250	-
Các khoản phải thu khác	243.152.004	96.135.977
<b>Cộng</b>	<b>13.584.615.580</b>	<b>56.208.572.700</b>

(\*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(\*\*\*) Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại Chi nhánh Hà Nội và đã lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2013	01/01/2013
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Tử Thuận An	-	(2.421.569.620)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	(5.879.892.055)	
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(970.617.654)	
<b>Cộng</b>	<b>(10.234.939.710)</b>	<b>(5.805.999.621)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
Hàng mua đang đi trên đường	130.069.505	204.164.328
Nguyên liệu, vật liệu	1.389.249.651	1.051.450.497
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	129.008.176	35.427.635
Thành phẩm	971.184.846	647.548.246
Hàng hóa	97.206.502.018	45.244.921.649
<b>Cộng</b>	<b>99.826.014.196</b>	<b>47.183.512.355</b>

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
	(5.675.648.851)	(7.324.250.011)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Đầu kỳ 01/01/2013	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 31/12/2013
Tại Văn phòng Công ty	211.977.273	2.887.260.119	2.352.874.436	746.362.956
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	15.400.207	15.400.207	-
Tại Chi nhánh Phú Quốc	20.070.042	221.234.817	197.473.912	43.830.947
<b>Cộng</b>	<b>232.047.315</b>	<b>3.123.895.143</b>	<b>2.565.748.555</b>	<b>790.193.903</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý ( * )	-	3.458.322.435
Tạm ứng	516.194.000	280.893.630
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b>516.194.000</b>	<b>3.794.216.065</b>

\* Giá trị hàng tồn kho bị mất mát tại Chi nhánh Hà Nội. Khoản này đã được chuyển sang công nợ phải thu Phạm Văn Hoàng từ tháng 12 năm 2013 theo Bản án phúc thẩm số 03/2013/HSPT ngày 08/01/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
1. Số đầu kỳ	12.963.714.365	670.604.075	4.595.111.495	984.437.211	19.213.867.146
2. Tăng trong kỳ	7.304.756.428	620.748.091	-	510.369.364	8.435.873.883
Trong đó	-	-	-	-	-
Mua mới	7.304.756.428	620.748.091	-	510.369.364	8.435.873.883
3. Giảm trong kỳ	250.000.000	122.456.909	22.805.999	359.791.462	755.054.370
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	122.456.909	22.805.999	359.791.462	505.054.370
Thanh lý	250.000.000	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	<b>20.018.470.793</b>	<b>1.168.895.257</b>	<b>4.572.305.496</b>	<b>1.135.015.113</b>	<b>26.894.686.659</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	917.684.482	548.147.166	255.000.000	746.912.729	2.467.744.377
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	5.734.540.705	565.284.356	1.769.087.260	786.776.997	8.855.689.318
Tăng trong kỳ	678.142.307	43.200.762	433.331.420	89.060.720	1.243.735.209
Giảm trong kỳ	24.305.554	26.372.970	4.876.458	74.729.437	130.284.419
Số cuối kỳ	<b>6.388.377.458</b>	<b>582.112.148</b>	<b>2.197.542.222</b>	<b>801.108.280</b>	<b>9.969.140.108</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	7.229.173.660	105.319.719	2.826.024.235	197.660.214	10.358.177.828
Số cuối kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	858.492.840	5.038.340.106	5.896.832.946
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	515.840.106	515.840.106
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>858.492.840</b>	<b>4.522.500.000</b>	<b>5.380.992.840</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	471.802.306	-	471.802.306
Tăng trong kỳ	85.849.284	-	85.849.284
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>557.651.590</b>	<b>-</b>	<b>557.651.590</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	386.690.534	5.038.340.106	5.425.030.640
Số cuối kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2013
Chi phí XD CB trụ sở VP CN Phú Quốc	1.235.981.206	6.373.377.858	7.609.359.064	-
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ		4.004.630.545		4.004.630.545
Trang trí showroom CNPQ		452.881.818	452.881.818	-
Thiết kế cửa hàng kinh doanh sản phẩm điện - điện tử tin học	81.818.182	-	81.818.182	-
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
<b>Cộng</b>	<b>1.407.821.982</b>	<b>10.830.890.221</b>	<b>8.144.059.064</b>	<b>4.094.653.139</b>

**15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2013
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.413.690.393	576.453.180	-	2.990.143.573
Giá trị còn lại	26.197.183.437			25.620.730.257

**Bất động sản đầu tư gồm:**

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		-		53.665.056.000
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.440.000.000</b>		<b>64.105.056.000</b>

\* Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina.

\* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
<b>Cộng</b>		<b>28.285.558.448</b>		<b>28.285.558.448</b>

**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.547.577.528)	(1.956.619.428)

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ 01/01/2013	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2013
Tại Văn phòng Công ty	654.381.257	1.664.036.204	2.198.266.919	120.150.542
Tại Chi nhánh Cần Thơ	-	7.497.289	1.874.322	5.622.967
Tại Chi nhánh Hà Nội	21.999.209	30.370.637	30.134.825	22.235.021
<b>Cộng</b>	<b>676.380.466</b>	<b>1.701.904.130</b>	<b>2.230.276.066</b>	<b>148.008.530</b>

**21. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>310.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**22. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	65.032.633.809	19.138.134.888
Vay ngắn hạn Tổng Cty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	-	10.000.000.000
	<b>65.032.633.809</b>	<b>29.138.134.888</b>

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2013 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 12.1462001/HĐTĐHM ngày 17 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 13,185002/HĐTĐHM ngày 10 tháng 06 năm 2013. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ.

**23. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tại Văn phòng Công ty</b>	<b>34.219.328.103</b>	<b>17.628.515.056</b>
<i>Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina</i>	19.506.629.051	16.010.730.868
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	14.712.699.052	1.617.784.188
<b>Tại Chi nhánh Phú Quốc</b>	<b>155.880.000</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>34.375.208.103</b>	<b>17.628.515.056</b>

**24. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tại Văn phòng Công ty	25.525.151	19.899.088
Tại Chi nhánh Phú Quốc	150.176.000	53.520.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	230.000	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	999.903	-
<b>Cộng</b>	<b>176.931.054</b>	<b>73.419.088</b>

**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu kỳ 01/01/2013</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ 31/12/2013</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.580.119.865	1.580.119.865	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	35.169.104	3.375.191.980	3.410.361.084	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	183.351.551	183.351.551	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	6.438.090.249	5.748.059.478	-
- Thuế thu nhập cá nhân	538.499.454	610.065.587	1.076.028.862	72.536.179
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.868.992.267	1.868.992.267	-
- Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(116.362.213)</b>	<b>14.064.811.499</b>	<b>13.875.913.107</b>	<b>72.536.179</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý IV	
	Năm 2013	Năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.645.353.420	12.659.352.974
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(15.958.386.577)	(23.200.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập		
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	(15.958.386.577)	(23.200.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(9.313.033.157)	(10.540.647.026)
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	(9.313.033.157)	(10.540.647.026)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	-	-

**26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	163.952.106	56.718.004
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị		439.790.771
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	503.551.857	455.463.857
Các khoản phải trả khác	107.651.103	401.173.249
<b>Cộng</b>	<b>775.155.066</b>	<b>1.353.145.881</b>

**27. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ ( 01/01/2013 )	95.699.000.000	124.969.383.392	11.025.017.419	15.259.904.442
Lợi nhuận tăng trong kỳ				49.745.855.573
Chia cổ tức năm 2012				14.354.850.000
<b>Số dư cuối kỳ ( 31/12/2013 )</b>	<b>95.699.000.000</b>	<b>124.969.383.392</b>	<b>11.025.017.419</b>	<b>50.650.910.015</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.989.300.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.700.000	30%
<b>Cộng</b>	<b>95.699.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>105.833.109.498</b>	<b>94.491.604.394</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	87.283.150.574	87.692.184.948
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.547.322.398	1.136.206.502
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	10.410.351.051	286.663.091
<i>Doanh thu khác</i>	2.727.273	2.045.455
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc</i>	4.189.713.358	2.240.448.720
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội</i>	2.117.157.932	1.852.428.325
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ</i>	134.094.193	1.281.627.353
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng</i>	148.592.719	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.269.745.878</b>	<b>1.292.184.908</b>
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	1.269.745.878	1.292.184.908
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>104.563.363.620</b>	<b>93.199.419.486</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm xuất bán	1.603.220.099	1.193.640.673
Giá vốn của hàng hóa xuất bán	95.158.921.595	86.212.498.054
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	4.017.424.410	1.766.631.251
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	2.320.576.264	1.683.761.406
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	120.054.208	1.185.035.017
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	139.037.688	
<b>Cộng</b>	<b>103.359.234.264</b>	<b>92.041.566.401</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2.103.326.043	153.447.981
Lãi đầu tư cổ phiếu		24.525.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.958.386.577	23.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.374.725	1.059.106
Khác	2.975.000	
<b>Cộng</b>	<b>18.071.062.345</b>	<b>23.379.032.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	820.347.028	788.527.697
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.429.830	27.104.203
Chi phí chiết khấu thanh toán	15.186.000	148.626.013
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	1.952.513.000	
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(29.019.100)	277.655.073
Chi phí khác	3.028.834	
<b>Cộng</b>	<b>2.804.485.592</b>	<b>1.241.912.986</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.571.828.802	2.908.272.635
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.725.542	14.341.498
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	140.743.227	170.061.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.649.205	28.973.322
Chi phí bảo hành	63.945.802	122.662.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.167.046.123	821.015.981
Chi phí bằng tiền khác	2.620.323.196	4.481.738.126
<b>Cộng</b>	<b>6.925.261.897</b>	<b>8.547.065.247</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.741.819.734	2.024.964.797
Chi phí vật liệu quản lý	33.863.154	62.125.975
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.439.996	33.773.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.943.007	246.843.825
Thuế, phí và lệ phí	317.329.545	252.585.331
Chi phí dự phòng	666.853.254	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.142.113.920	311.223.402
Chi phí bằng tiền khác	2.965.043.685	959.261.191
<b>Cộng</b>	<b>7.189.406.295</b>	<b>3.890.778.121</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	4.157.367.642	1.861.044.870
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ do chưa chuyển giao	160.273.000	
Thu nhập khác	141.459.633	44.624.962
<b>Cộng</b>	<b>4.459.100.275</b>	<b>1.905.669.832</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	160.273.000	
Chi phí khác	9.511.772	103.445.676
<b>Cộng</b>	<b>169.784.772</b>	<b>103.445.676</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	375.108.944	391.332.135
Tiền thưởng	500.000	500.000
Tiền thù lao	90.000.000	86.700.000
<b>Cộng</b>	<b>465.608.944</b>	<b>478.532.135</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina  
 Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM  
 Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Mua hàng	83.250.224.319	66.517.481.142
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.179.717.547	3.374.390.497
Chuyển nhượng vốn góp		-
Lợi nhuận được hưởng	15.958.386.577	23.200.000.000
Thu hỗ trợ	3.861.312.507	1.024.190.909
<b>Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
Vay tiền		
Lãi vay	-	370.555.556



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Tiền hàng	728.500.715	1.003.088.895
Lợi nhuận phải thu	-	50.400.000.000
Phải thu chiết khấu doanh số Q4/2012	-	1.421.444.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>728.500.715</b>	<b>52.824.532.895</b>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Phải trả tiền mua hàng	19.506.629.051	16.010.730.868
<b>Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
Tiền vay phải trả	-	10.000.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>19.506.629.051</b>	<b>26.010.730.868</b>

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Vinh